

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 26/5/2021  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **bà Phan Thanh Hà**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **bà Nguyễn Thị Huyền Nga**  
**ông Đinh Thiện Tụy**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **bà Nguyễn Hà Mỹ - Cán bộ TAND quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.**

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:*  
**bà: Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.**

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 221/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXX- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/QĐST ngày 14/5/2021, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Bùi Lan A** - sinh năm: 1975  
HKTT: P5xx số nhà 2x phố B, phường H, quận H, TP.H.  
Đăng ký tạm trú: Căn hộ T P25xx KĐT T, đường M, quận H, TP.H. (có mặt)

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ** - sinh năm: 1972  
HKTT: P5xx số nhà 2x phố B, phường H, quận H, TP.H.  
Đăng ký tạm trú: Căn hộ T P25xx KĐT T, đường M, quận H, TP.H. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn xin ly hôn ngày 16/3/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Bùi Lan A trình bày:***

- Về tình cảm: tôi và anh Nguyễn Minh Đ kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, thành phố H ngày 06/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại số nhà 2x phố B, phường H, quận H, thành phố H (là nhà của bố mẹ anh Đ, nay đã bán). Trong suốt quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ đã không có trách nhiệm với gia đình, vợ con; trong khoảng 04 năm sống ly thân (từ 2017) thỉnh thoảng anh Đ có qua lại trò chuyện với 2 con xong đi chứ không còn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn từ trước đó không chỉ với một mình anh Đ mà tôi còn bị ức chế vì việc phải trả nợ thay anh Đ và gia đình anh Đ, dần dần dẫn đến việc tình cảm vợ chồng căng thẳng, dạn nứt. Đến tháng 9/2017, anh Đ xin nghỉ việc tại cơ quan nhưng trước đó anh Đ đã vay nợ tại cơ

quan và khi anh Đ nghỉ việc, tôi phải đứng ra trả toàn bộ khoản nợ đó, vì việc nợ nần của anh Đ, nên tôi cùng 02 con đã phải về ở nhờ bố mẹ đẻ ở nhờ, còn anh Đ về ở nhà bố mẹ đẻ của anh Đ, nhà ở khu đô thị T phải cho thuê để lấy tiền trả nợ. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 9/2017. Tôi xác định không thể khắc phục được mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, tôi xin được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Đức Q sinh ngày 14/12/2003 và Nguyễn Quang H sinh ngày 13/4/2007. Ly hôn, tôi xin nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Do từ trước đến giờ các cháu vẫn luôn ở với tôi, do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

- Về tài sản chung và công nợ chung: không yêu cầu tòa xem xét giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 03/01/2020 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Minh Đ trình bày:***

- Về tình cảm: tôi và cô Bùi Lan A kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, thành phố H ngày 06/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại số nhà 2x phố B, phường H, quận H, thành phố H. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi muốn thăng tiến trong công việc nhưng khi không đạt được ý nguyện nên dẫn đến tâm lý bất mãn, làm tổn thương đến vợ tôi và gia đình. Tôi đã bỏ việc từ năm 2017 đến nay, không có công việc ổn định. Do điều kiện về kinh tế, thu nhập của tôi không ổn định dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Chúng tôi đã sống ly thân để tự tĩnh tâm và suy nghĩ lại. Trong suốt thời gian sống ly thân (khoảng 04 năm) tôi cũng chưa xin được việc làm ổn định để giúp đỡ gia đình và cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Tôi vẫn còn rất yêu vợ và mong gia đình được đoàn tụ. Tôi không đồng ý ly hôn với cô Lan A.

- Về con chung: chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Đức Q sinh ngày 14/12/2003 và Nguyễn Quang H sinh ngày 13/4/2007. Do tôi không đồng ý ly hôn nên tôi chưa có ý kiến và quan điểm về việc nuôi con chung nếu ly hôn.

- Về tài sản chung và công nợ: không yêu cầu tòa xem xét giải quyết.

***Tại phiên tòa:***

- Chị Lan A trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, không còn tôn trọng nhau, đã gần 04 năm kể từ khi vợ chồng sống ly thân, chúng tôi không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Đức Q sinh ngày 14/12/2003 và Nguyễn Quang H sinh ngày 13/4/2007. Ly hôn, tôi xin được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Anh Đ trình bày: vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, khẳng định vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, việc mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ việc tôi

không có việc làm, dẫn đến không có thu nhập ổn định để phụ giúp vợ con, anh Đ xác định vẫn còn tình cảm với chị Lan A, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh Đ xác định, vợ chồng có 02 con chung như chị Lan A trình bày là đúng, do anh Đ không đồng ý ly hôn nên chưa có ý kiến về việc nuôi con chung và cũng không muốn các con bị chia rẽ.

Về tài sản chung và công nợ chung: chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:** Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành pháp luật đúng theo quy định tại Chương 6 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lan A, xử cho chị Lan A được ly hôn với anh Đ;

- Về con chung: Xác định chị Lan A và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Đức Q sinh ngày 14/12/2003 và Nguyễn Quang H sinh ngày 13/4/2007. Giao cả 02 con cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ chung và nhà ở: anh, chị không yêu cầu nên không xét.

- Về án phí: chị Lan A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] **Về tố tụng:** Quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Lan A và anh Nguyễn Minh Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, thành phố H ngày 06/3/2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lan A và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn". Hiện chị Lan A và anh Đ đều có đăng ký tạm trú tại: Căn hộ T P25xx KĐT T, đường M, quận H, TP. Hà Nội (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung vụ án:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo như anh chị trình bày thì vợ chồng thực sự có mâu thuẫn, nguyên nhân, biểu hiện và mức độ của mâu thuẫn qua lời trình bày và quan điểm của chị Lan A cho thấy mâu thuẫn chủ yếu là do anh Đ đã không lượng sức mình, tham vọng cao, nên dẫn đến việc vay nợ, sau đó nghỉ việc. Chị Lan A đã phải trả nợ thay cho anh Đ, không những vậy, từ khi nghỉ việc đến nay (gần 04 năm) anh Đ đã không có công việc gì ổn định, không quan tâm đến gia đình và vợ con, mọi vấn đề từ nuôi dạy 02 con đến công việc gia đình đều do chị Lan A đảm nhận.

Xuất phát từ những cái nhỏ dần dần đã tạo nên áp lực về kinh tế cho chị Lan A. Tháng 9/2017, do phải thu xếp trả những khoản nợ cho anh Đ, nên chị Lan A đã phải đưa 02 con về sống nhờ ông bà ngoại, anh Đ về nhà ông bà nội ở, để cho thuê nhà lấy tiền trả nợ, cũng từ đó hai vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian này, anh Đ cũng không hề thay đổi, tìm kiếm công ăn việc làm để cùng chị Lan A khắc phục kinh tế gia đình hay chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Từ đó, vợ chồng không có quan hệ tình cảm gì với nhau, thỉnh thoảng anh Đ có qua lại thăm hỏi 02 con. Anh Đ cũng thừa nhận, trong gần 04 năm qua anh đã không có công việc gì ổn định để có kinh tế phụ giúp cùng chị Lan A và trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh cũng không có phương án nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa chị Lan A và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, hai bên không tìm được tiếng nói chung, có sự bất đồng về quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần phân tích để anh chị suy nghĩ, tạo điều kiện để anh chị về đoàn tụ song không có kết quả. Xét mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lan A là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

**Về con chung:** chị Lan A và anh Đ xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Đức Q sinh ngày 14/12/2003 và Nguyễn Quang H sinh ngày 13/4/2007. Chị Lan A xin được nuôi 02 con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; Anh Đ không có quan điểm rõ ràng về trách nhiệm với các con khi ly hôn (vì không đồng ý ly hôn). Hội đồng xét xử thấy như sau: hai cháu Q và H là con chung của anh chị do vậy việc chăm sóc con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của bố mẹ đối với con cái, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81,82 - Luật hôn nhân gia đình, giao cả 02 con chung cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, cũng phù hợp với ý kiến của hai cháu xin được với mẹ. Hơn nữa trong suốt quá trình sống ly thân (04 năm) các cháu đều do một tay chị Lan A chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đ đã không có quan điểm rõ ràng trong trường hợp phải ly hôn, nên dành quyền xin thay đổi nuôi con cho anh Đ. Người trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Lan A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xét.

**Về tài sản và công nợ chung:** các bên đều không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

**Về án phí:** chị Lan A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “án phí và lệ phí Tòa án” và Điều 147 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

**Về kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ:**

- *Khoản 1 điều 28, điều 35, 39, 147, 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.*

- *Các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và gia đình 2015.*

- *Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.*

### **Xử:**

1/ Chấp nhận đơn ly hôn của chị Bùi Lan A đối với anh Nguyễn Minh Đ. Chị Bùi Lan A được ly hôn anh Nguyễn Minh Đ.

2/ Về con chung: Xác nhận chị Lan A và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Đức Q sinh ngày 14/12/2003 và Nguyễn Quang H sinh ngày 13/4/2007. Giao cả hai con chung cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lan A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xét. Người trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Dành quyền thay đổi nuôi con cho anh Đ khi có đủ điều kiện và yêu cầu.

3/ Về tài sản chung và công nợ chung: chị Lan A và anh Đ cùng xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5/ Về án phí:

- Chị Bùi Lan A phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai số AA/2020/011511 ngày 01/4/2021 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6/ Về quyền kháng cáo: chị Lan A và anh Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.***

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND quận Hai Bà Trưng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

***Phan Thanh Hà***